

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2020/DS-ST**

Ngày: 03 - 12 - 2020

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự  
mua bán X sản giữa Công ty H  
và ông Vũ Thái N.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Đức Minh**

2. Bà **Lê Thị Sáu**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hòa** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*  
Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **03** tháng **12** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán X sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* N đơn: Công ty cổ phần tập đoàn H.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Trần Quốc T.** Chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ Công ty: Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần II, phường D, Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Huỳnh Lê Minh X**, sinh năm: 1986. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng. Địa chỉ: Tổ 18 đường Trần Phú, phường L, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền số 14B/UQ/TGD/2020 ngày 20 tháng 02 năm 2020. (*có mặt*).

**\* Bị đơn:** Ông **Vũ Thái N.** Hộ khẩu thường trú: Thôn 8A, xã K, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên hệ: Thôn 3, xã H, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 03 năm 2020 và trong quá trình xét xử, N đơn Công ty cổ phần tập đoàn H và đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Lê Minh X trình bày:*

Từ ngày 28/03/2019 đến ngày 20/4/2019 Công ty cổ phần tập đoàn H- Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng đã xuất hóa đơn và bán hàng theo đúng thỏa thuận cho ông N gồm thép hộp mạ kẽm, thép ống mạ kẽm và tôn lạnh màu với tổng giá trị là 131.169.003đ. Tính đến ngày 20/02/2020 ông N đã thanh toán được 26.717.759đ. Số tiền còn lại là 104.451.244đ ông N không trả.

Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn H khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền còn nợ là 104.451.244đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*\* Bị đơn ông Vũ Thái N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của ông Vũ Thái N tại Tòa án.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do đại diện theo ủy quyền của N đơn ông Huỳnh Lê Minh X có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn H; buộc ông N phải trả cho Công ty cổ phần tập đoàn H số tiền gốc là 66.030.000đ và buộc trả lãi suất theo mức 0,83%/tháng tính từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.
- Buộc đương sự phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các X liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**- Về tố tụng:** Công ty cổ phần tập đoàn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán X sản*” với ông Vũ Thái N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Vũ Thái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Thái N là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**- Về nội dung:**

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/03/2019 đến ngày 20/4/2019 ông N nhiều lần mua thép, tôn lạnh của Công ty cổ phần tập đoàn H, tính đến ngày 20/4/2019 ông N còn nợ tổng số tiền là 104.451.244đ nhưng ông N không trả nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần tập đoàn H đã cung cấp cho Tòa án bản sao các Phiếu bán hàng (có xác nhận của bên mua), Hóa đơn giá trị gia tăng (điện tử), Biên bản đối chiếu công nợ (có chữ ký xác nhận của ông N). Trong khi ông N mặc dù đã nhiều lần được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt để làm việc, cũng không gửi bản khai đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

Căn cứ vào các X liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc Công ty cổ phần tập đoàn H và ông N có quan hệ làm ăn giao dịch mua bán thép, tôn lạnh với nhau. Quá trình làm ăn giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể. Tính đến ngày 20/4/2019 ông N còn nợ tổng số tiền là 104.451.244đ nhưng không trả. Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn H yêu cầu ông N phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 104.451.244đ là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**- Về lãi suất:**

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của N đơn ông Huỳnh Lê Minh X yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền còn nợ kể từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất mà N đơn yêu cầu hoàn toàn phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Khoản tiền nợ gốc 104.451.244đ từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 19 tháng x 0,83%/tháng = 16.471.961đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn H; buộc ông N phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần tập đoàn H tổng số tiền là 120.923.000đ (đã làm tròn); trong đó gồm: tiền gốc là 104.451.000đ, tiền lãi là 16.472.000đ.

**- Về án phí:** Buộc ông Vũ Thái N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: 120.923.000đ x 5% = 6.046.000đ.

Công ty cổ phần tập đoàn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

**1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn H đối với ông Vũ Thái N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán X sản*”.**

- Buộc ông Vũ Thái N phải trả cho Công ty cổ phần tập đoàn H tổng số tiền là 120.923.000đ (*Một trăm hai mươi triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng*); trong đó gồm: tiền gốc là 104.451.000đ, tiền lãi là 16.472.000đ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**2/ Về án phí:**

Ông Vũ Thái N phải chịu 6.046.000đ (*Sáu triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần tập đoàn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Công ty cổ phần tập đoàn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.280.000đ (*Ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số AA/2016/0019614 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**3/ Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/12/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Trường**